

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO
Số: 22/2014/TT-BGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 7 năm 2014

THÔNG TƯ

Ban hành Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11/5/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11/5/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục chuyên nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2014. Thông tư này thay thế Quyết định số 40/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy và Thông tư số 46/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục chuyên nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo; Hiệu trưởng các trường trung cấp chuyên nghiệp, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục khác có đào tạo trung cấp chuyên nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Bùi Văn Ga

QUY CHẾ

Đào tạo trung cấp chuyên nghiệp

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22 /2014/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về đào tạo trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) theo hình thức chính quy và hình thức vừa làm vừa học, bao gồm: Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập, công nhận và cấp bằng tốt nghiệp, quản lý hồ sơ và tài liệu đào tạo, chế độ báo cáo và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với các trường TCCN, các cơ sở giáo dục khác có đào tạo TCCN (sau đây gọi chung là trường) thực hiện chương trình đào tạo TCCN theo niên chế kết hợp với học phần và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Chương trình đào tạo TCCN

1. Chương trình đào tạo TCCN (sau đây gọi chung là chương trình) thể hiện mục tiêu giáo dục TCCN, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi học phần, ngành học trình độ TCCN.

Chương trình của trường được xây dựng trên cơ sở quy định về chương trình khung TCCN do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành. Trong đó, chương trình theo hình thức vừa làm vừa học được xây dựng trên cơ sở chương trình theo hình thức chính quy và phù hợp với điều kiện thực hiện thực tế.

2. Hiệu trưởng, Thủ trưởng cơ sở giáo dục có đào tạo TCCN (sau đây gọi chung là Hiệu trưởng) chịu trách nhiệm xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chương trình của trường đúng Quy chế này và quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 3. Đơn vị học trình và học phần

1. Đơn vị học trình là đơn vị dùng để tính khối lượng học tập của học sinh. Một đơn vị học trình bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 đến 45 tiết học thực hành, thí nghiệm, thảo luận, tham quan, làm bài tập hoặc tiết học khác nhằm mục đích thực hành (sau đây gọi chung là tiết học thực hành); 45 đến 60 giờ thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp. Trong đó, một tiết học lý thuyết hoặc thực hành có thời lượng 45 phút, một giờ thực tập có thời lượng 60 phút.

2. Học phần được cấu trúc từ một hoặc nhiều đơn vị học trình, là khối lượng kiến thức, kỹ năng tương đối hoàn chỉnh, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập. Kiến thức, kỹ năng trong mỗi học phần tương ứng với một mức trình độ và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc các phần trong tổ hợp của nhiều môn học.

Mỗi học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

Có hai loại học phần: Học phần bắt buộc và học phần tự chọn:

a) Học phần bắt buộc là học phần bao gồm nội dung kiến thức, kỹ năng chủ yếu của mỗi chương trình, bắt buộc học sinh phải tích lũy;

Trong đó, học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh và học phần Giáo dục thể chất, thuộc khối kiến thức chung là học phần điều kiện. Kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

b) Học phần tự chọn là học phần bao gồm nội dung kiến thức, kỹ năng cần thiết để học sinh tích lũy đủ số học phần được quy định cho mỗi chương trình và phù hợp với định hướng nghề nghiệp của học sinh. Học sinh được tự chọn học phần này theo hướng dẫn của trường.

3. Học phần có điểm đạt yêu cầu hoặc đã hoàn thành trong chương trình đào tạo TCCN là học phần mà học sinh có điểm học phần đạt từ 5,0 điểm trở lên và điểm thi kết thúc học phần đạt từ 3,0 điểm trở lên theo thang điểm hệ 10.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 4. Thời gian đào tạo

1. Thời gian đào tạo là thời gian được thiết kế để học sinh hoàn thành một chương trình cụ thể và đủ điều kiện để nhận văn bằng tốt nghiệp tương ứng với chương trình đó, cụ thể:

a) Từ ba đến bốn năm học đối với chương trình được thiết kế cho học sinh đã có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương (THCS);

b) Hai năm học đối với chương trình được thiết kế cho học sinh đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương (THPT);

c) Từ một đến 1,5 năm học đối với chương trình được thiết kế cho học sinh đã có bằng tốt nghiệp THPT, đồng thời có chứng chỉ về giáo dục nghề nghiệp cùng nhóm ngành, nghề có thời gian đào tạo từ một năm trở lên hoặc đối với học sinh đã có bằng tốt nghiệp khác ngành đào tạo từ trình độ TCCN trở lên.

2. Thời gian tối đa để học sinh hoàn thành chương trình bao gồm thời gian tối đa để hoàn thành các học phần trong chương trình, được tính từ thời điểm bắt đầu học học phần thứ nhất đến khi hoàn thành học phần cuối cùng của chương trình và thời gian tối đa để hoàn thành các môn thi tốt nghiệp.

Thời gian tối đa để học sinh hoàn thành chương trình do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng về đào tạo của trường, bảo đảm không vượt quá hai lần thời gian thiết kế cho chương trình từ ba đến bốn năm học, không vượt quá ba lần thời gian thiết kế cho chương trình từ một đến 1,5 năm học và chương trình hai năm học cộng với thời gian tối đa ba năm để hoàn thành các môn thi tốt nghiệp, được tính từ ngày kết thúc kỳ thi tốt nghiệp lần thứ nhất.

Ngoài ra, Hiệu trưởng xem xét, quyết định kéo dài thêm thời gian tối đa đối với học sinh đang học thuộc vào một trong các trường hợp sau: Được điều động đi thực hiện nghĩa vụ an ninh - quốc phòng, sau khi hoàn thành nghĩa vụ tiếp tục học tại trường; có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật; vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị; bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học.

Học sinh học cùng lúc hai chương trình, thời gian tối đa để hoàn thành hai chương trình bằng thời gian tối đa lớn nhất để hoàn thành một trong hai chương trình và được tính từ khi bắt đầu học chương trình thứ nhất.

Điều 5. Tổ chức thực hiện chương trình

1. Trước khi bắt đầu một khóa học, năm học, học kỳ; nhà trường phải công bố công khai kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học, học kỳ đó.

a) Kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học phải thể hiện ít nhất các nội dung sau: Số lượng học kỳ, thời điểm bắt đầu và kết thúc của mỗi học kỳ, năm học, khóa học và thời gian nghỉ hè, tết đối với lớp học trong cùng một đợt tuyển sinh;

b) Kế hoạch đào tạo đối với học kỳ phải thể hiện ít nhất các nội dung sau: Thời điểm bắt đầu và kết thúc học kỳ, lịch trình học, thời gian tổ chức kỳ thi kết thúc học phần,